TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **29**/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Trà My, ngày 10 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trà Thị Kim T, sinh năm 1990.

- *Bị đơn:* Ông Lê M, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trà Thị Kim T và ông Lê M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân: Bà Trà Thị Kim T và ông Lê M thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Ông M và bà Thế có 01 con chung là cháu Lê Minh V, sinh ngày 12/8/2011. Giao bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng bà T tự nguyện chịu. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng bà T đã nộp

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My theo biên lai thu số 0011416 ngày 09/3/2020. Hoàn lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đại